

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2024

*“V/v tranh chấp ly
hôn và nuôi con”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Ánh

2. Bà Trần Thị Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn và nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị Trúc L**, sinh năm 1987 (có mặt); địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1978 (vắng mặt); địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2023, nguyên đơn chị **Đặng Thị Trúc L** trình bày: Qua quen biết, chị và anh **Phạm Văn T** về chung sống như vợ chồng từ năm 2005 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 6/2023, giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, mỗi khi về nhà kiểm chuyện cự cãi, chửi mắng chị. Anh T1

thường hay ghen tuông vô cớ và cho rằng chị có quan người đàn ông khác bên ngoài. Nhiều lần chị và gia đình khuyên ngăn nhưng anh T1 không thay đổi. Vì vậy, chị về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với anh T1 từ tháng 6/2023 cho đến nay.

Về con chung, chị và anh T1 có một con chung tên Đặng Phạm Thanh D (sinh ngày 07/02/2006), hiện con chung đang sống với mẹ.

Trong thời gian chung sống, chị và anh T1 không tạo ra tài sản chung và không có nợ ai, không ai nợ anh chị.

Do nhận thấy tình cảm giữa chị và anh T1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết:

Về hôn nhân: Được ly hôn với anh T1. Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Đặng Phạm Thanh D (sinh ngày 07/02/2006), không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, các ý kiến đã trình bày, đồng thời xác định: Chị và anh T1 đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay, tình cảm đã không thể hàn gắn. Từ lúc ly thân đến nay con chung vẫn do chị chăm sóc, hiện nay D đang được đi học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét chị Đặng Thị Trúc L yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T, anh T có nơi đăng ký thường trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét anh Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 22/12/2023, ngày 09/01/2024 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét chị L và anh T qua tìm hiểu, tự nguyện về chung sống như vợ chồng từ năm 2005, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L yêu cầu ly hôn với anh T, căn cứ quy

định khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị L và anh T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T có một con chung tên Đặng Phạm Thanh D (sinh ngày 07/02/2006). Xét từ lúc ly thân đến nay do chị L là người trực tiếp chăm sóc, con chung đã có cuộc sống ổn định và đang đi học, con chung có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Anh T1 chưa có ý kiến phản đối hay yêu cầu về việc được nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận để chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là có căn cứ. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Trúc L uỳnh phải nộp 300.000đ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 14, Điều 53 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Trúc L.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Thị Trúc L và anh Phạm Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Công nhận chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Đặng Phạm Thanh D (sinh ngày 07/02/2006). Anh Phạm Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Đặng Thị Trúc L phải nộp án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*); số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000đ theo biên lai thu số 0013172 ngày 01/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- Lưu: 04.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai